

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 844/2022/DS - PT

Ngày: 28 - 12 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

2. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 292/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5505/2022/QĐ - PT ngày 03 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14525/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ái K, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 66 Đường N, thị trấn T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1977.

Địa chỉ : 27/36/75/14/6 Đường N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Q, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện G, tỉnh Long An.

2. Ông Trần Tấn I.

Địa chỉ: 27/36/75/14/6 Đường N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: ông Cao Văn P, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 17 đường R, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và biên bản hòa giải thì nguyên đơn Lê Ái K và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/6/2019, bà Trần Thị Kim O có vay của ông Lê Ái K số tiền 50.000.000 đồng, không ghi rõ thời gian trả.

Ngày 06/7/2019, bà O vay tiếp của ông K số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, hạn cuối trả là ngày 06/10/2019.

Ngày 16/7/2019, bà O vay tiếp của ông K số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, hạn cuối trả là ngày 16/10/2019. Tổng cộng 03 lần vay số tiền là 350.000.000 đồng. Ngày 05/3/2020, bà O có trả cho ông được 4.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 05/6/2020, ông K có thông báo đòi nợ gửi qua đường bưu điện cho bà O, theo đó hạn cuối cùng để trả nợ là ngày 14/6/2020, nhưng đến nay bà O vẫn chưa trả nợ cho ông K.

Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà O trả cho ông số tiền gốc là 346.000.000 đồng và lãi suất chậm trả với mức 10%/năm, thời gian chậm trả tính từ ngày 15/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông K không yêu cầu chồng bà O liên đới trả nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Kim O trình bày: bà xác nhận có vay của ông K các lần như sau:

Ngày 24/6/2019, bà có vay của ông K số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, bà cũng trả lãi được 08 tháng nhưng không có giấy tờ ký nhận.

Ngày 06/7/2019, bà có vay tiếp của ông K số tiền 200.000.000 đồng, lãi 10%/tháng, bà đã thế chấp giấy tờ nhà cho ông K, bà đã trả lãi được 08 tháng nhưng không có giấy tờ ký nhận.

Ngày 16/7/2019, bà vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng, lãi 10%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, bà cũng trả lãi được 08 tháng nhưng không có giấy tờ ký nhận.

Ngày 05/3/2020, bà có trả gốc cho ông K số tiền 4.000.000 đồng, do con của bà là Cao Văn P trực tiếp mang tiền đến nhà ông K trả, ông K là người nhận số tiền nhưng không có giấy tờ ký nhận.

Nay bà xác nhận có vay của ông K 03 lần với tổng số tiền là 350.000.000 đồng, đã trả được 4.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 346.000.000 đồng. Số tiền bà vay của ông K được dùng vào mục đích cá nhân không liên quan đến chồng bà là ông Trần Tấn I.

Khi vay tiền bà có thế chấp cho ông K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 554716, sổ vào sổ cấp GCN: CS04544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/8/2016.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả. Bà đồng ý trả số tiền nợ gốc 346.000.000 đồng, nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn. Đối với yêu cầu trả lãi của ông K bà xin không trả vì không có khả năng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị Q trình bày: toàn bộ số tiền ông K cho bà O vay là tài sản riêng của ông K, bà không có đóng góp cũng như không liên quan gì đến số tiền này nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K. Bà có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Ông Trần Tấn I trình bày: đối với các khoản vay bà Trần Thị Kim O vay của ông Lê Ái K, ông không biết vì bà O không mang số tiền đó về nhà và ông không sử dụng số tiền đó. Nay ông K yêu cầu bà O trả số tiền trên ông không có ý kiến gì. Ông có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Người làm chứng Cao Văn P trình bày: ông là con nuôi của bà O, ông có biết ông Lê Ái K. Hàng tháng ông có đem tiền lời của bà O trả cho ông K nhưng không có ký nhận. Về số tiền 4.000.000 đồng là số tiền gốc của bà O trả cho ông K và ông là người trực tiếp đưa tiền cho ông K nhận, nhưng không có giấy tờ ký nhận giữa hai bên. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Trần Thị Kim O phải trả một lần cho ông Lê Ái K số tiền 418.371.666 đồng, trong đó nợ gốc 346.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 72.371.666 đồng. Ông K sẽ trả lại cho bà O giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi bà O trả hết số tiền nợ cho ông K.

Bị đơn đồng ý trả số nợ gốc 346.000.000 đồng nhưng yêu cầu cho trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, vì hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn và yêu cầu không trả lãi cho ông K vì không có khả năng. Yêu cầu ông K trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà bà thế chấp cho ông K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 292/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 98/QĐ-SCBSBA ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Lê Ái K. Buộc bà Trần Thị Kim O phải trả cho ông Lê Ái K số tiền 418.371.666 (bốn trăm mười tám triệu ba trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó tiền gốc là 346.000.000 (ba trăm bốn mươi sáu triệu) đồng và lãi chậm trả là 72.371.666 (bảy mươi hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2. Ông Lê Ái K có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị Kim O bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 554716, số vào sổ cấp GCN: CS04544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/8/2016 đứng tên Trần Thị Kim O.

Việc trả tiền và trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện cùng một lúc ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất được quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Hủy các giấy tay mượn tiền ngày 24/6/2019, ngày 06/7/2019 và ngày 16/7/2019.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Kim O phải chịu 20.734.867 (hai mươi triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi bảy) đồng. Hoàn trả cho ông Lê Ái K tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0061385 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận B đã có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 292/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân quận B. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm số 292/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Viện kiểm sát không rút kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Xét kháng nghị số 11/QĐ – VKS – DS ngày 28/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận B, nhận thấy:

Về tố tụng:

1/ Bị đơn có trình bày yêu cầu nguyên đơn hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX554716, số vào sổ cấp GCN CS04544 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/8/2016 đứng tên Trần Thị Kim O tại biên bản hòa giải ngày 01/7/2022. Đây không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn để áp dụng quy định theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thế chấp giấy chứng nhận để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của bà O với ông K là không đúng quy định nên cần phải buộc ông K giao trả giấy chứng nhận nhà đất đứng tên bà O ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Do vậy nội dung kháng nghị này là không có cơ sở chấp nhận.

2/ Theo đơn khởi kiện, ông K chỉ yêu cầu bà O trả nợ, không yêu cầu hủy các giấy tay mượn tiền ngày 24/6/2019, ngày 06/7/2019, ngày 16/7/2019 nhưng Hội đồng xét xử tuyên hủy các giấy tay mượn tiền là vượt quá yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn. Do vậy, kháng nghị đối với nội dung này là có cơ sở chấp nhận.

Về nội dung:

1/ Hội đồng xét xử buộc “Việc trả tiền và trả Giấy chứng nhận được thực hiện cùng một lúc” là gây khó khăn trong quá trình thi hành án và không đúng với lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Cụ thể, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày ông K sẽ trả lại cho bà O Giấy chứng nhận sau khi bà O trả hết nợ cho ông K; bà O yêu cầu ông K phải trả lại Giấy chứng nhận. Như vậy, trong trường hợp bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, phần đất mang tên Trần Thị Kim O sẽ được phát mãi để thi hành án thì không thể giao Giấy chứng nhận cho bà O được; giao cùng một lúc với nghĩa vụ trả nợ của bà O lại càng không thể thực hiện được, xét:

Như phân tích tại phần xét tố tụng liên quan đến việc Tòa án cấp sơ thẩm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất số BX554716, sổ vào sổ cấp GCN CS04544 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/8/2016 đứng tên Trần Thị Kim O, việc ông K giữ giấy chứng nhận nhà đất của bà O là không đúng, cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn ông K giao trả giấy chứng nhận nhà đất trên cho bà O ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Việc thi hành án (trong trường hợp bà O không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ do Cơ quan thi hành án thực hiện theo quy định pháp luật trong trường hợp ông K có đơn yêu cầu thi hành án.

2/ Việc Hội đồng xét xử tuyên “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả **lãi** trên nợ **gốc quá hạn** theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.” là không đúng quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét:

Bản án tuyên bà O phải trả cho ông K số tiền 418.371.666 đồng, trong đó tiền gốc là 346.000.000 đồng và lãi chậm trả là 72.371.666 đồng. Tuy nhiên, bản án lại tuyên “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả **lãi** trên nợ **gốc quá hạn** theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ

tương ứng với thời gian chậm trả.” là không đúng quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: phải trả lãi trên tổng số tiền phải thi hành án. Do đó, nội dung kháng nghị này là có cơ sở chấp nhận.

Từ các nội dung phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị số 11/QĐ – VKS – DS ngày 28/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận B.

Đề nghị hội đồng xét xử: căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 292/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận B như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/7/2022, Tòa án nhân dân quận B đưa vụ án ra xét xử và tuyên bản án số 292/2022/DS-ST. Ngày 28/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận B có Quyết định kháng nghị số 11/QĐ-VKS-DS. Căn cứ Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự kháng nghị của Viện kiểm sát còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Đối với sự vắng mặt của bị đơn (bà O), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông I) không có đơn kháng cáo, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn có trình bày yêu cầu nguyên đơn hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX554716, sổ vào sổ cấp GCN CS04544 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/8/2016 đứng tên Trần Thị Kim O. Đây không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn để áp dụng quy định theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thế chấp giấy chứng nhận để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của bị đơn với nguyên đơn là không đúng quy định nên cần phải buộc nguyên đơn giao trả giấy chứng nhận nhà đất đứng tên bà O là phù hợp nên không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[3.2] Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và trình bày của đương sự thể hiện: Nguyên đơn có cho bị đơn vay 03 khoản nợ theo các Giấy mượn tiền ngày 24/6/2019, ngày 06/7/2019 và ngày 16/7/2019 với tổng số tiền vay là 350.000.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 350.000.000 đồng theo 03 giấy vay tiền trên. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền theo 03 giấy nợ trên và đã trả được 4.000.000 đồng tiền nợ gốc cho

nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 346.000.000 đồng và buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc này cho nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên cụ thể trả nợ theo 03 giấy vay tiền là chưa đầy đủ. Trường hợp này cần tuyên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền đã vay theo 03 giấy vay tiền ngày 24/6/2019, 6/7/2019, 16/7/2019. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bà O trả lại tiền gốc và lãi vay, không yêu cầu hủy các giấy vay tiền ngày 24/6/2019, ngày 06/7/2019, ngày 16/7/2019 nhưng cấp sơ thẩm tuyên hủy các giấy vay mượn tiền là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, kháng nghị đối với nội dung này là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất số BX554716, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS04544 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/8/2016 đứng tên Trần Thị Kim O, việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận nhà đất của bị đơn là không đúng, cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn giao trả giấy chứng nhận nhà đất trên cho bị đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Việc thi hành án (trong trường hợp bà O không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ do Cơ quan thi hành án thực hiện theo quy định pháp luật trong trường hợp ông K có đơn yêu cầu thi hành án.

[3.4] Bản án tuyên bà O phải trả cho ông K số tiền 418.371.666 đồng, trong đó tiền gốc là 346.000.000 đồng và lãi chậm trả là 72.371.666 đồng. Tuy nhiên, bản án lại tuyên “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.” là không đúng quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận B; Chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa: sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 292/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Lê Ái K.

Buộc bà Trần Thị Kim O phải trả cho ông Lê Ái K số tiền 418.371.666 (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó tiền gốc là 346.000.000 (Ba trăm bốn mươi sáu triệu) đồng và lãi chậm trả là 72.371.666 (Bảy mươi hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng theo 03 Giấy vay tiền ngày 24/6/2019, ngày 06/7/2019 và ngày 16/7/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ông Lê Ái K có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị Kim O bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 554716, số vào sổ cấp GCN: CS04544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/8/2016 đứng tên Trần Thị Kim O.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Kim O phải chịu 20.734.867 (Hai mươi triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Ái K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0061385 ngày 29/6/2020 và 1.864.925 (Một triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0033371 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS quận B;
- TAND quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương

